

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 251/2018/DS-PT

Ngày: 10+11 /10/2018

NHÂN DANH

V/v: Tranh chấp đòi nhà ở

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : **Bà Nguyễn Thị Thúy**

Các thẩm phán : **Ông Mai Tiến Dũng**

Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Đại diện VKSND TP Hà Nội: **Bà Ngô Phương Liên – Kiểm sát viên**

Thư ký ghi biên bản phiên toà : **Ông Phạm Thái An**

Trong các ngày 10 và 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2018/TLPT – DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi nhà ở”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS – ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2018/QĐXX – PT ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1936; địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 281 Phố C, phường N, quận T, Hà Nội

Bị đơn: 1. Chị Vũ Thu H, sinh năm 1984

2. Chị Vũ Hương L, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 281 Phố C, phường N, quận T, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Vũ Tuệ L, sinh năm 2009 (con chị L, do chị L đại diện theo pháp luật)

2. Cháu Nguyễn Thành D, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh năm 2016 (con chị H, do chị H đại diện theo pháp luật)

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T- Là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2014, bản tự khai ngày 12/7/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Hà Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 khi đó bà H đã có 02 con gái riêng là chị Vũ Thu H và Vũ Hương L. Ông và bà H có 01 người con chung là Trần Tiến Đ, sinh năm 1997. Ngày 28/8/1998, ông mua nhà đất số 16, tổ 6 phường N (nay là nhà số 24, ngõ 281 Phố C phường N), quận T, Hà Nội của ông Tạ Đình Đ bao gồm 26 m² nhà và khoảng gần 10 m² phần phụ với giá hơn 60.000.000 đồng và cho mẹ con bà H về ở cùng nhà này. Tiền mua nhà hoàn toàn là của ông do bán 01 gian bếp do Binh đoàn 12 phân cho ông tại Ngã Tư Sở và thêm vào để mua, không có sự đóng góp của bà H. Việc mua bán nhà chỉ có giấy viết tay giữa ông và ông Đ, không có chứng thực của Chính quyền địa phương, có người làm chứng là Phan Thanh Phong. Trong những khi ông vắng nhà thì bà H là người đứng ra đóng thuế đất. Việc bà H đứng ra làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đứng tên ông và bà H thì ông không được biết.

Bà H đã chết năm 2006, ông cùng anh Đ và 2 con gái bà H vẫn ở nhà này. Sau khi bà H chết, ông cũng có làm đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận tên ông nhưng đến nay ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận. Khi chị L sinh con thì ông và anh Đ chuyển lên sống tại phần coi nơi phía sau còn 2 chị H, Ly ở phần nhà chính tại tầng 1. Quá trình sử dụng nhà, chị H và chị L không có công sức cải tạo, sửa chữa gì.

Ông cho rằng chị H và chị L lấy chồng phải đi chỗ khác ở, không được ở nhà này nữa vì không có quyền lợi gì về nhà này. Do đó, ông khởi kiện ra Tòa đề nghị Tòa buộc chị H, chị L phải trả lại ông phần diện tích nhà mà 2 chị đang quản lý sử dụng tại tầng 1 nhà 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội.

Đối với nhà tại Tân Lập, phường Quỳnh Lôi là do ông mua năm 1996 với giá 6.5 cây vàng, bà H có góp cho ông 01 cây vàng. Năm 2001, bà H đã bán nhà này.

Bị đơn là chị Vũ Thu H và Vũ Hương L có lời khai thống nhất như sau: Nhà 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là nhà do mẹ chị mua của ông Tạ Đình Đ, hai bên mua, bán có lập giấy tờ viết tay. Mẹ chị là người nộp thuế đất và mẹ chị cũng được đứng tên cấp biên số nhà. Khi mẹ chị chết, ông T mở tủ lấy hết giấy tờ nhà. Việc mẹ chị mua nhà của ông Đ có ông Quế biết và làm chứng. Phần diện tích các chị đang sử dụng là 20 m² tại tầng 1. Trong quá trình sử dụng nhà, các chị không có công sức tu tạo, sửa chữa gì. Các chị không đồng ý trả nhà cho ông T vì nhà của mẹ các chị, các chị có quyền ở.

Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T xử:

- Không chấp nhận yêu cầu đòi nhà của ông Trần Văn T đối với chị Vũ Thu H và chị Vũ Hương L;

- Không chấp nhận ý kiến của ông Trần Văn T trình bày toàn bộ nhà đất tại địa chỉ: số nhà 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là của ông Trần Văn T.

- Giành giải quyết bằng vụ án dân sự khác về yêu cầu chia tài sản chung của ông T với bà H và yêu cầu chia thừa kế của các thừa kế của bà H đối với di sản thừa kế của bà H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí định giá mà ông T phải chịu và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, ông T có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Đỗ Anh Thắng, Dương Quốc Huy xin vắng mặt tại phiên tòa và nộp bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H và chị L và đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKS thành phố Hà Nội phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án;

2. Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Bản án sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng:

+ Anh Trần Tiến Đ là con nguyên đơn và bà H nên anh Đ phải được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ UBND quận T là cơ quan quản lý đất đai tại địa phương, diện tích đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận, hiện trạng sử dụng đất không đúng với diện tích đất trong giấy tờ mua bán nên UBND quận T cần được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bản án sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng là anh Đ và UBND quận T.

- Bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự: Tòa án bác yêu cầu khởi kiện đòi nhà của nguyên đơn nhưng lại quyết định cả nội dung không chấp nhận toàn bộ nhà đất tại số nhà 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là của ông Trần Văn T.

- Tại cấp sơ thẩm, chị H và chị L trình bày nhà, đất tranh chấp là do bà H mua, không phải của ông T và đề nghị xác định nhà, đất này là của mẹ chị nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn 2 chị làm đơn phản tố là vi phạm tố tụng.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp thì chưa đủ tài liệu, chứng cứ xác định nguồn gốc nhà, đất tranh chấp là của ông Tạ Đình Đ.

- Tòa sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ: Ông Tạ Đình Đ có giấy viết tay nhượng lại cho ông T, có ông Phan Thanh Phong làm chứng; ông Tạ Đình Đ có giấy đánh máy nhượng lại cho ông T và bà H nhưng ông T khai mục đích của việc lập văn bản này để cho bà H làm thủ tục nhập hộ khẩu do trên giấy nhượng này ghi không đúng địa chỉ nhà nên bà H chưa nhập được hộ khẩu và ông đã rút giấy nhượng này đi. Giấy cam đoan của ông T có nội dung xác định nhà, đất

này do ông và bà H mua của ông T, có xác nhận của tổ trưởng dân phố là ông Nguyễn Văn Quế nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của ông Quế.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nêu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án quận T để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự tranh luận, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật của vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn khởi kiện đòi diện tích nhà 20 m² tại tầng 1 nhà 24 ngõ 281 đường Phố C đối với bị đơn là chị Vũ Thu H và chị Vũ Hương L. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là : “Kiện đòi nhà” là đúng pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định ông Trần Văn T là nguyên đơn, chị Vũ Thu H, chị Vũ Hương L là bị đơn; các con chị H, chị L là các cháu Vũ Tuệ L, Nguyễn Thành D, Nguyễn Bảo H đang ở cùng chị H và chị L tại phần nhà tranh chấp nên bản án sơ thẩm đưa các cháu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Nguyên đơn ông T chỉ khởi kiện yêu cầu chị H, chị L phải trả lại ông diện tích nhà 20 m² tại tầng 1 nhà số 24, ngõ 281 Phố C, không yêu cầu giải quyết phần nhà, đất ông và cháu Đạt đang quản lý, sử dụng tại nhà 24 ngõ 281 Phố C. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Tiến Đ là con ông T, bà H cũng trình bày anh không có công sức gì đối với nhà, đất tranh chấp và khẳng định nhà, đất này là của riêng ông T; ông T, chị H, chị L cũng như anh Đ đều không đề nghị Tòa án đưa anh Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không đề nghị xem xét về vấn đề chia tài sản chung và thừa kế của bà H. Do đó, anh Đ không có quyền và nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án nên bản án sơ thẩm không đưa anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án là đúng pháp luật.

Diện tích nhà, đất tại số nhà 24 ngõ 281 Phố C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, tuy nhiên UBND phường N cũng không xác định đây là đất công. Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và Tòa án thu thập thì nhà, đất này có nguồn gốc của ông Đào Đình Lâm mang bằng khoán điền thổ từ năm 1942. Ông Đào Đình Lâm nhượng lại cho bà Đào Thị Chúc. Bà Đào Thị Chúc nhượng lại cho ông Tạ Đình Đ một phần vào năm 1975 có xác nhận của Ban đại diện hành chính tiểu khu Thanh Nhân. Hơn nữa, quan hệ pháp luật trong vụ án này là đòi nhà cho ở nhờ, UBND quận T không có quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Do vậy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát Hà Nội tại phiên tòa hôm nay cho rằng bản án sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là UBND quận T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

Về các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự xuất trình: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông T mới chỉ cung cấp cho Tòa án bản pho to các giấy tờ về nhà đất và giấy nhượng nhà đất ngày 28/8/1998 giữa ông Tạ Đình Đ và ông T, bị đơn xuất trình bản pho to giấy xác nhận biên số nhà, các biên lai thuế đất, Hợp đồng cung cấp nước sạch đứng tên bà H. Cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự xuất trình bản chính để đối chiếu là thiếu sót. Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều xuất trình bản chính các tài liệu trên cho Hội đồng xét xử đối chiếu nên các tài liệu, chứng cứ này được coi là H lệ.

Về nội dung: HĐXX nhận thấy:

Ông T và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có 01 con chung là anh Trần Tiến Đ, sinh năm 1997. Trước khi chung sống với ông T, bà H có 02 con riêng là chị Vũ Thu H, sinh năm 1984 và chị Vũ Hương L, sinh năm 1986.

Theo ông T, ngày 28/8/1998, ông mua DT nhà 26 m² tại số 24 ngõ 281 (trước đây là mang biên số 16, tổ 6 phường N) Phố C của ông Tạ Đình Đ với giá 62.270.000 đồng, ngoài ra còn một số mét đất thừa, ông Đ cũng cho luôn ông. Hai bên lập “giấy nhượng lại nhà, đất” viết tay, có người làm chứng là ông Phan Thanh Phong. Ông cho rằng nhà này là của riêng ông, việc bà H cùng hai con bà H ở nhà này là do ông cho về ở từ năm 2002 chứ bà H không đóng góp đồng nào cùng ông mua nhà. Từ sau khi bà H chết (2006) chị H, Ly đi lấy chồng nhưng vẫn ở DT 20 m² tại tầng 1 còn bố con ông thì chuyển sang ở phần coi nói và tầng 2. Ông đề

ngợi chị H, chị L trả lại ông toàn bộ DT 20 m² tại tầng 1 nhà số 24 ngõ 281 Phố C vì nhà của ông, hai chị này không có quyền gì ở ngôi nhà này.

Phía chị H, chị L cho rằng nhà này do mẹ các chị là bà H bỏ tiền ra mua của ông Tạ Đình Đ có ông Quế tổ trưởng dân phố làm chứng, nguồn tiền từ tiền mẹ chị bán nhà cũ tại Tân Lập, mẹ chị đứng tên đóng thuế đất và mẹ chị đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận, các chị không đồng ý yêu cầu đòi nhà của ông T.

Xét thấy: Phía nguyên đơn ông T xuất trình “ Giấy nhượng lại nhà, đất” ngày 28/8/1998 viết tay, bên bán là ông Tạ Đình Đ, bên mua là ông T, có người làm chứng là ông Phan Thanh Phong. Ngoài ra nguyên đơn còn xuất trình giấy xác nhận của ông Đ ngày 23/01/2013 với nội dung ông Đ xác nhận có bán gian nhà 26 m² và cho ông T diện tích phụ. Theo hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Tòa án quận T thu thập tại UBND phường N thể hiện: năm 2005 bà H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất số 24 ngõ 281 Phố C, bà H kê khai tên chủ sử dụng là bà và ông T, khai nguồn gốc nhà, đất do vợ chồng bà mua của ông Tạ Đình Đ và nộp “*Giấy nhượng lại nhà, đất*” ngày 28/8/1998 đánh máy với nội dung ông Tạ Đình Đ bán cho “ *vợ chồng chị Hà Thị H, chồng là Trần Văn T*” với giá 62.270.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác nhận ông có yêu cầu ông Đ ký 02 giấy bán nhà cùng ghi ngày 28/8/1998: giấy đánh máy ông có ký bên mục người mua, mục đích ghi cả tên bà H để bà H chuyển hộ khẩu về nhà này trước nhưng do trục trặc trong khi làm thủ tục nhập hộ khẩu nên bà H không nhập được hộ khẩu về và “*Giấy nhượng lại nhà, đất*” đánh máy này ông có giữ bản chính và đã đưa trả lại ông Đ nên không còn để xuất trình cho Tòa án. Xét thấy, lời khai này của ông T là không đúng vì tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đã xuất trình bản chính “*Giấy nhượng lại nhà, đất*” đánh máy này và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm đã đối chiếu bản chính với bản pho to ông T nộp (BL 176).

Trong hồ sơ liên quan đến nhà, đất số 24 ngõ 281 Phố C mà UBND phường N lưu giữ (UBND phường N đã cung cấp bản sao cho Tòa cấp sơ thẩm từ BL số 145 đến BL 161) còn có “ *Giấy cam đoan*” viết tay của ông T đề ngày 12/10/2006 (tức là sau khi bà H chết), có xác nhận của ông Nguyễn Văn Quế, tổ trưởng dân phố số 6 phường N. Nội dung giấy cam đoan này thể hiện việc ông T cam đoan nguồn gốc đất tranh chấp là “ *năm 1998 ông Đ bán lại cho vợ chồng tôi với DT là 26 m²(vì lúc đó chỉ viết diện tích sử dụng không viết diện tích lần chiếm), đến năm 2001 vợ chồng tôi mua thêm để có diện tích sử dụng như ngày nay. Những lời lẽ*

trên đây là hoàn toàn sự thật, ...nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật". Ông Quế tổ trưởng dân phố số 6 phường N xác nhận vào giấy cam đoan này với nội dung: “ *Chứng nhận bà Hà Thị H và ông Trần Văn T mua lại căn nhà của ông Tạ Đình Đ tại địa chỉ 16B tổ 6 nay là nhà 24 ngõ 281 Phố C là đúng*”. Tại phiên tòa hôm nay, ông T thừa nhận ông viết giấy cam đoan này và nộp cho UBND phường N và ông giải thích lý do ông viết nội dung cam đoan nhà là do ông và bà H mua vì ông nghĩ ông và bà H chung sống với nhau là vợ chồng thì của vợ cũng là của chồng và ông mua nhà này cũng là để cho bà H và cháu Đạt.

Xét thấy, hai văn bản về việc chuyển nhượng nhà, đất lập cùng ngày 28/8/1998 nêu trên đều chưa được công chứng, chứng thực hợp lệ nên không đảm bảo về mặt hình thức theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 1995. Tuy nhiên, giữa người bán và người mua không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng nhà giữa hai bên. Thời điểm mua nhà này thì ông T và bà H đang chung sống với nhau như vợ chồng và đã có 01 con chung là cháu Trần Tiến Đ. Theo lời khai của ông T thì trước đó, ông T và bà H cũng đã góp chung tiền để mua nhà ở tại Tân Lập và bà H cùng cháu Đạt và ông T cũng ở nhà Tân Lập, sau khi bán nhà tại Tân Lập thì bà H và cháu Đạt cùng 2 con riêng của bà H về tại nhà mua của ông Tạ Đình Đ (nhà đang tranh chấp) để ở. Theo xác nhận của Tổ trưởng tổ dân phố số 6 thì trong sổ ghi chép của ông thể hiện mẹ con bà H chuyển về ở tại nhà này từ năm 1999 chứ không phải từ năm 2002 như ông T khai. Khi về ở nhà này, bà H đã đứng ra nộp thuế sử dụng đất, làm hợp đồng cung cấp nước sạch đứng tên bà H, UBND quận T cũng cấp biên số nhà mới cho bà H. Năm 2005, bà H đứng ra kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà H và ông T

Như vậy, có căn cứ để xác định rằng, nhà đất tại *16B tổ 6 phường N (nay là nhà 24 ngõ 281 Phố C)* là do ông T, bà H mua của ông Tạ Đình Đ ngày 28/8/1998. Bản án sơ thẩm xác định nhà này là tài sản chung của ông T và bà H là có căn cứ.

Bà H chết tháng 7/2006, không để lại di chúc. Chị H, chị L về ở nhà này cùng bà H từ năm 1999 được sự đồng ý của bà H và ông T. Nay bà H đã chết thì chị H và chị L cũng có quyền hưởng thừa kế của bà H đối với phần của bà H về nhà đất này. Ông T và các thừa kế của bà H chưa có sự thỏa thuận phân chia tài sản chung và chia thừa kế kỹ phần của bà H; chưa có bản án, quyết định của Tòa án về việc xác định phần của ông T là bao nhiêu, phần của ông T được chia bằng hiện vật tại vị trí nào?. Do vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu đòi chị L và chị H phải trả lại ông toàn bộ diện tích 20 m² nhà tại tầng 1 nhà *16B tổ 6 nay là nhà 24 ngõ 281 Phố C* là chưa có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T giữ nguyên yêu cầu kiện đòi toàn bộ DT 20 m2 nhà tại tầng 1 *nhà 24 ngõ 281 Phố C* đối với chị H, chị L mà không đề nghị chia tài sản chung với bà H về nhà, đất này. Do đó, HĐXX thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nhà của ông T đối với chị H, chị L và giành việc khởi kiện về chia tài sản chung và chia thừa kế cho ông T cũng như cho các thừa kế của bà H bằng vụ án khác là đúng pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị xác định nhà, đất tại 24 ngõ 281 Phố C thuộc quyền sử hữu, sử dụng của ông nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên “*Không chấp nhận ý kiến của ông Trần Văn T trình bày toàn bộ nhà đất tại địa chỉ: số nhà 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là của ông Trần Văn T.*” là không phù hợp, không cần thiết. Do đó, thấy cần sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên án, bỏ phần quyết định này.

Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cho rằng: tại cấp sơ thẩm chị H và chị L đề nghị Tòa án xác định nhà, đất số 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là của hai chị H, Ly có nghĩa là hai chị này có tranh chấp về quyền sử hữu, sử dụng nhà đất với ông T. Xét thấy, bị đơn có quyền nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và chị L khẳng định hai chị chưa bao giờ đề nghị Tòa án xác định nhà, đất số 24, ngõ 281 Phố C phường N, quận T, Hà Nội là của các chị mà các chị chỉ trình bày là căn cứ vào giấy nhượng bán nhà là bản đánh máy của ông T mà các chị có được bản phô tô và giấy cam đoan của ông T được ông Quế xác nhận để cho rằng nhà là do mẹ các chị là bà H mua; các chị chưa bao giờ có đơn khởi kiện đề nghị xác định nhà này của các chị và khẳng định các chị không phản tố, không kiện lại ông T hay có bất cứ yêu cầu đề nghị gì, các chị chỉ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát Hà Nội nhận xét về thiếu sót của bản án sơ thẩm do không hướng dẫn chị H, chị L làm thủ tục phản tố là không có căn cứ.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Về án phí DSST và lệ phí định giá: Ông T không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí DSST và lệ phí định giá.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, do ông T đã trên 80 tuổi tức là thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí. Do đó, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 thì Tòa án xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông T nên ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm ông đã nộp.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội và xử cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc đòi nhà đối với chị Vũ Thu H và Vũ Hương L

2. Giành việc khởi kiện về chia tài sản chung và chia thừa kế cho các đương sự về nhà, đất tại *16B tổ 6 phường N nay là nhà số 24 ngõ 281 Phố C, phường N, quận T, Hà Nội* bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về lệ phí định giá: Ông Trần Văn T phải chịu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) lệ phí định giá, được trừ vào số tiền 400.000 đồng ông đã nộp.

4. Về án phí DSST: Miễn án phí DSST cho ông Trần Văn T. Ông T được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại BL số 0071 ngày 09/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Hà Nội

5. Về án phí DSPT: Miễn số tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn T. Ông T được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại BL số 0004154 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Hà Nội

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy